|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC GTVT** |  |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên học phần:** | Tổ chức chạy tàu trên đường sắt F2 |
| **Tên tiếng Anh:** |  |
| **Số tín chỉ:** | 2 tín chỉ |
| **Mã học phần:** | VKS44.2 |
| **Kết cấu học phần:** | (theo phân bổ trong chương trình) |
| **Ngành đào tạo:** | Kinh tế vận tải sắt |

**1. Thông tin chung về học phần**

* Tên học phần: Tổ chức chạy tàu trên đường sắt F2
* Mã học phần: VKS44.2
* Ngành/chuyên ngành đào tạo: Kinh tế vận tải sắt
* Bậc đào tạo: Đại học Hình thức đào tạo: chính quy tập trung
* Khoa/Bộ môn phụ trách học phần: Vận tải & kinh tế đường sắt
* Loại học phần: *Bắt buộc hay tự chọn*
* Yêu cầu của học phần:
  + Các học phần tiên quyết: Tên học phần:…….. Mã học phần: ……
  + Các học phần học trước: Tên học phần:…….. Mã học phần: ……
  + Các học phần học song hành: Tên học phần:…….. Mã học phần: ……
  + Các yêu cầu khác đối với học phần *(nếu có)*: (Cơ sở vật chất: (VD: projector, loa,…)
* Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động (tiết học tín chỉ):

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lý thuyết | Thảo luận | Bài tập | Bài tập lớn | Thực hành | Thí nghiệm | Tự học |
| 15 | 20 | 10 |  |  |  |  |

**2. Mục tiêu của học phần**

*2.1. Kiến thức (mô tả các kiến thức của học phần mà người học cần đạt được)*

Sinh viên có kiến thức biểu đồ chạy tàu, năng lực thông qua, công tác vận chuyển hành khách, khu đầu mối đường sắt, kế hoạch vận tải hàng ngày, công tác điều độ chỉ huy chạy tàu.

*2.2. Kỹ năng (mô tả các kỹ năng của học phần mà người học cần đạt được)*

Xây dựng được biểu đồ chạy tàu tuyến đường sắt.

*2.3. Thái độ, nhận thức: (mô tả các yêu cầu về thái độ, nhận thức về học phần trong ngành/chuyên ngành đào tạo mà người học cần đạt được)*

***- Mục tiêu về kiến thức người học cần đạt được:***

*+ Nắm được kiến thức sâu rộng của ngành học;*

*+ Nắm được kiến thức cơ bản của các ngành học khác để hiểu và tiếp tục học tập;*

*+ Biết về sự thay đổi của xã hội, đặc biệt là xu hướng phát triển;*

*+ Biết về khu vực (regions) và biết cách nhận biết thế giới một cách có phân tích khoa học;*

*+ Nắm được kiến thức có thể phân tích, thảo luận và bình luận về những sự vật phức tạp.*

***- Mục tiêu về kỹ năng người học cần đạt được:***

*+ Có các kỹ năng thực tiễn về nghề nghiệp và có thể phát triển được;*

*+ Có kỹ năng làm việc với người khác;*

*+ Có các kỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề;*

*+ Có kỹ năng tìm kiếm và lựa chọn kiến thức để dùng vào những mục đích riêng biệt; Có các kỹ năng tự phát triển giữa xu hướng thay đổi;*

*+ Đánh giá được cách dạy và học.*

***- Mục tiêu về thái độ người học cần đạt được:***

*+ Yêu thích môn học, ngành học mà sinh viên đang theo học;*

*+ Kính trọng, yêu quý, muốn noi gương các nhà khoa học, giảng viên đang giảng dạy môn học;*

*+ Nhìn thấy thái độ của riêng mình;*

*+ Nhìn thấy giá trị của xã hội mình;*

*+ Nhìn thấy giá trị văn hoá của địa phương và giá trị văn hoá phổ quát;*

*+ Có chuẩn mực sống trong xã hội một cách có lý do và sự tự tin.*

**3. Tóm tắt nội dung học phần (bằng tiếng Việt và tiếng Anh)**

Cung cấp những kiến thức cần biết để tổ chức chạy tàu trên tuyến đường sắt.

**4. Nội dung chi tiết học phần (tên các chương, mục)**

|  |  |
| --- | --- |
| Chương 1 | Biểu đồ chạy tàu |
| Chương 2 | Năng lực thông qua và năng lực chuyên chở của đường sắt |
| Chương 3 | Công tác vận chuyển hành khách |
| Chương 4 | Kế hoạch vận tải ngày |
| Chương 5 | Công tác điều độ chỉ huy chạy tàu |
| Chương 6 | Tổ chức công tác chạy tàu trong khu đầu mối đường sắt |

**5. Thông tin về giảng viên**

* Họ và tên giảng viên phụ trách học phần thứ nhất:
  + Chức danh, học hàm, học vị:
  + Thời gian, địa điểm làm việc:
  + Địa chỉ liên hệ:
  + Điện thoại: email:
* Họ và tên giảng viên phụ trách học phần thứ hai:
  + Chức danh, học hàm, học vị:
  + Thời gian, địa điểm làm việc:
  + Địa chỉ liên hệ:
  + Điện thoại: email:

…..

* Thông tin về trợ giảng (nếu có) (họ và tên, địa chỉ liên hệ, điện thoại, e-mail):

**6. Học liệu:** *(giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)*

*6.1. Giáo trình/Bài giảng*

1. Bài giảng tổ chức chạy tàu trên đường sắt.
2. Giáo trình Tổ chức chạy tàu tập 2, TS Nguyễn Văn Thái.
3. Giáo trình Điều kiển chạy tàu trên đường sắt, GS.TSKH Nguyễn Hữu Hà.

Tối thiểu là một học liệu bắt buộc *(Bài giảng, Giáo trình hiện hành)*.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo ghi theo thứ tự ưu tiên*

- Tài liệu tham khảo xác định cho từng nội dung và hình thức chính của dạy-học. Có thể ghi rõ các phần hoặc các trang quan trọng trong tài liệu tham khảo, giúp sinh viên thuận tiện trong việc nghiên cứu tài liệu.

- Học liệu bắt buộc và học liệu tham khảo ghi theo thứ tự ưu tiên *(tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, nơi có tài liệu này, websites, băng hình…)*

7**. Hình tổ chức và dạy học**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC** | | | | | | **Ghi chú** |
| GIỜ LÊN LỚP | | | Thực hành, thực tập | Thí nghiệm | Tự học, tự nghiên cứu |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận |
| Chương 1: Biểu đồ chạy tàu | **3** | **1** | **4** |  |  |  |  |
| 1.1. Ý nghĩa của Biểu đồ chạy tàu |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.2. Các yêu cầu đối với biểu đồ chạy tàu, các yếu tố của biểu đồ chạy tàu |  |  | 2 |  |  |  |  |
| 1.3. Cách vẽ biểu đồ chạy tàu |  | 1 | 1 |  |  |  |  |
| 1.4. Phân tích, xét duyệt, điều chỉnh biểu đồ chạy tàu |  |  | 1 |  |  |  |  |
| **Chương 2: Năng lực thông qua và năng lực chuyên chở của đường sắt** | **3** | **2** | **3** |  |  |  |  |
| 2.1. Khái niệm chung |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.2. Năng lực của trang thiết bị và chu kỳ của biểu đồ chạy tàu |  |  | 1 |  |  |  |  |
| 2.3. Năng lực thông qua của BĐCT song song |  | 1 | 1 |  |  |  |  |
| 2.4. Năng lực thông qua của BĐCT không song song |  | 1 | 1 |  |  |  |  |
| **Chương 3: Công tác vận chuyển hành khách** | **2** | **3** | **3** |  |  |  |  |
| 3.1. Đặc điểm công tác vận chuyển hành khách |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.2. Nhu cầu vận chuyển hành khách |  | **2** |  |  |  |  |  |
| 3.3. Kế hoạch vận chuyển hành khách |  |  | 2 |  |  |  |  |
| 3.4. Công tác hành khách ga đường sắt |  | 1 | 1 |  |  |  |  |
| **Chương 4: Kế hoạch vận tải ngày** | **3** | **1** | **4** |  |  |  |  |
| 4.1. Khái niệm chung về kế hoạch vận tải hàng ngày |  |  |  |  |  |  |  |
| 4.2. Các yêu cầu và nội dung của kế hoạch vận tải ngày |  |  | 2 |  |  |  |  |
| 4.3. Xác định thông tin ban đầu cho kế hoạch ngày |  | 1 |  |  |  |  |  |
| 4.4. Công tác dự, xác báo tình hình vận tải, phương pháp tính thời gian lưu hành |  |  | 2 |  |  |  |  |
| **Chương 5: Công tác điều độ chỉ huy chạy tàu** | **2** | **1** | **3** |  |  |  |  |
| 5.1. Khái niệm chung về công tác điều độ |  |  |  |  |  |  |  |
| 5.2. Nhiệm vụ, trang thiết bị điều độ |  |  |  |  |  |  |  |
| 5.3. Công tác điều độ trong điều kiện bình thường. |  |  | 2 |  |  |  |  |
| 5.4. Điều độ chạy tầu trong một số tình trạng đặc biệt |  | 1 | 1 |  |  |  |  |
| **Chương 6: Tổ chức công tác chạy tàu trong khu đầu mối đường sắt** | **2** | **2** | **3** |  |  |  |  |
| 6.1. Khái niệm chung khu đầu mối đường sắt |  |  |  |  |  |  |  |
| 6.2. Các đặc điểm của chạy tàu trong khu đầu mối |  |  | 1 |  |  |  |  |
| 6.3. Lập tàu trong khu đầu mối đường sắt |  | 2 | 2 |  |  |  |  |
| **Cộng** | **15** | **10** | **20** |  |  |  |  |

**8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần**

Áp dụng thang điểm 10, phân chia các mục tiêu cho từng hình thức kiểm tra – đánh giá, bao gồm các phần sau *(trọng số của từng phần do giảng viên đề xuất, Trưởng bộ môn thông qua)*:

8.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên: Thang điểm: 10/ Tỷ trọng 15%

* Đi học đầy đủ, đúng giờ 7,5%
* Chuẩn bị tốt phần tự học 7,5%

8.2. Kiểm tra - đánh giá định kỳ (tỷ trọng 15%)

1. Kiểm tra giữa kỳ
   1. Hình thức: bài kiểm tra.
   2. Điểm và tỷ trọng: hang điểm: 10/ Tỷ trọng 15%
2. Thí nghiệm, bài tập lớn, thảo luận, thực hành
   1. Hình thức:
   2. Điểm và tỷ trọng: Thang điểm: 10/ Tỷ trọng … %
3. Thi kết thúc học phần ( 70%)
   1. Hình thức: thi viết
   2. Điểm và tỷ trọng: Thang điểm: 10/ Tỷ trọng 70 %

**Duyệt**

**Hiệu trưởng Trưởng khoa** **Trưởng bộ môn**

*(Ký tên) (Ký tên)*  *(Ký tên)*